

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Kim T**, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
(Nay là ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang).

- Bị đơn: Anh **Danh V**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
(Nay là ấp Tân Hưng, xã Châu Thành, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim T trình bày:**

Chị Thị Kim T và anh Danh V chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện CT, tỉnh K ngày 10/5/2023, số 98. Quá trình chung sống chị và anh Danh V có 02 người chung tên Danh Hoàng M, sinh ngày

29/8/2018 và Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021. Về tài sản chung: không có, Về nợ chung: không có.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, anh V chỉ lo chời bời mà không quan tâm, lo lắng gì đến gia đình vợ con nên từ đó chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Danh V;
- Về con chung: Yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Danh Hoàng M, sinh ngày 29/8/2018 và Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Biên bản lấy lời khai của mẹ anh Danh V là bà Thị Thời ngày 30/6/2025:**

Bà là mẹ ruột của Danh V. Con trai bà là Danh V có vợ là Thị Kim T. V và T tự nguyện chung sống vợ chồng có tổ chức đám cưới từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng Việt và Tươi có 02 con chung là Danh Hoàng M, sinh ngày 29/8/2018 và Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng V và T thì bà không rõ nhưng vợ chồng V và T đã không còn sống với nhau khoảng hơn 01 năm nay.

Nay con dâu bà là Thị Kim T yêu cầu ly hôn với con trai bà Danh V thì bà có ý kiến thay con trai bà:

- Về hôn nhân: Do bận đi làm ăn xa nên anh Danh V không thể tham gia các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Do 02 cháu Danh Hoàng M, cháu Thị Hoàng T đã do Thị Kim T chăm sóc nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án giao 02 cháu Danh Hoàng M và cháu Thị Hoàng T cho Thị Kim T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Danh Hoàng M ngày 13/6/2025, cháu M trình bày:**

Hiện nay cháu đang sống với mẹ, nếu Toà án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với mẹ, muốn được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim T, cho chị Thị Kim T được ly hôn với anh Danh V vì “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Danh Hoàng M, sinh ngày 29/8/2018 và cháu Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021 cho chị Thị Kim T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Buộc chị Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị Kim T khởi kiện anh Danh V yêu cầu ly hôn và nuôi con chung nên đây là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, bị đơn anh Danh V có nơi cư trú tại địa chỉ: ấp TH, xã GT, huyện CT, tỉnh K (*Nay là ấp TH, xã CT, tỉnh A*) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Danh V chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Thị Kim T, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim T và anh Danh V chung sống vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện CT, tỉnh K, do đó quan hệ hôn nhân của chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh V sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh V không chăm lo cho vợ con nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Tại phiên tòa, bà T xác định hiện nay không còn tình cảm với anh V và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V không có khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh V có 02 người con chung là cháu Danh Hoàng M, sinh ngày 29/8/2018 và cháu Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021 hiện đang sống cùng chị T và chị T yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ sau khi anh chị ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu Thư nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu M và cháu Thư cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Danh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không tiến hành hòa giải việc cấp dưỡng nuôi con giữa chị T và anh V. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này anh V có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh V đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ

chung giữa chị T và anh V được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh V thì anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Danh V.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Kim T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Thị Kim T về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Danh V, cho chị Thị Kim T được ly hôn với anh Danh V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Danh Hoàng M, sinh ngày 29/8/2018 và cháu Thị Hoàng T, sinh ngày 13/5/2021 cho chị Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Danh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 41 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 3), chị T không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh